Tiết theo KHGD: 12

## **TÊN BÀI DẠY: TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Thời gian thực hiện: 01 tiết**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Về kiến thức:**

- Thông qua kết quả chấm kiểm tra giữa học kì I, nhận xét, đánh giá và củng cố thức khắc sâu những kiến thức chưa vững

- Hướng dẫn học sinh giải và trình bày chính xác bài làm, rút kinh nghiệm để tránh những sai sót phổ biến, những sai lầm điển hình.

**2. Về năng lực:**

**\* Năng lực chung:** Năng lực tự chủ, tự học, tư duy**;** Năng lực giao tiếp, hợp tác**;** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

**\* Năng lực chuyên biệt:** Năng lực nhận thức**;** Năng lực tìm hiểu; Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng

**3. Về phẩm chất:** Rèn tính chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Đề kiểm tra, bài kiểm tra của HS, thước, TV

**2 - HS**: Làm lại bài KT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động : (Trắc nghiệm)**

- Gọi học sinh trả lời từng câu trắc nghiệm

- Cho h/s nhận xét => giáo viên chốt

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu\Mã đề | 001 | 002 | 003 | 004 | 005 | 006 |
| 1 | D | D | D | D | A | D |
| 2 | B | D | C | B | A | A |
| 3 | C | D | D | B | D | C |
| 4 | B | C | B | C | D | B |
| 5 | C | A | A | A | B | C |
| 6 | B | C | D | B | B | B |
| 7 | A | D | A | A | D | A |
| 8 | A | B | D | D | B | B |

**2.1. Hoạt động 1: Bài 1:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1:**

GV : Yêu cầu HS thực hiện bài 1/ đề thi

**Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ 1:**

HS theo dõi, thảo luận theo nhóm thực hiện nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo thảo luận 1**

Đại diện nhóm thực hiện nhiệm vụ

( GV có thể chiếu bảng nhóm)

Các nhóm khác cho ý kiến phản biện

**Bước 4: Kết luận, nhận định 1**

**GV Nhận xét:**

- ưu điểm: Đa số HS giải pt và hpt tốt

- Nhược điềm: Nhiều HS trình bày chưa khoa học, một số HS còn nhầm dấu, một số hs chưa tìm ĐKXĐ, sai sót khi tính toán.

|  |
| --- |
| a)  +) |
| +) 4  Vậy phương trình có 2 nghiệm *;* |
| *b)*  *ĐKXĐ:* |
|  |
| (TMĐK )  Vậy phương trình có 1 nghiệm x=2 |
| *c)* |
| *Từ pt (1) có*  *Thế vào pt (2) có 5* |
| *Giải pt được x= 2,*  *thay vào pt (3) đc y = 1* |
| *Vậy hpt có nghiệm duy nhất (x;y) = (2;1)* |

**2.2. Hoạt động 2: Bài 2**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 2:**

Y/c HS thực hiện bài 2

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 2**

Hs thực hiện theo nhóm

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

Đại diện 3 HS các nhóm lên trình bày

HS nhóm khác nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Ưu điểm : + 1 số Hs trình bày tốt bài toán

+ HS tính toán tốt

- Nhược điểm: + Một số HS còn thiếu đặt ĐK cho ẩn

+ Còn 1 số HS chưa biết trình bày bài giải, giải hpt sai, chưa kết luận

|  |
| --- |
| Gọi số xe loại 30 chỗ ngồi là x(xe)  số xe loại 45 chỗ ngồi là y(xe)  ĐK: 0<x,y<11, x,y∈N |
| Vì trường thuê tất cả 11 xe nên ta có pt: x+y=11x+y=11(1) |
| Số người ngồi trên xe loại 30 chỗ ngồi: 30x (người)  Số người ngồi trên xe loại 45 chỗ ngồi: 45y (người)  Vì có tất cả 450 người và không có xe nào còn chỗ trống nên ta có 30x+45y=450 |
| Từ (1) và (2), ta có hệ phương trình:  *Giải hpt được x = 3 (TMĐK); y=8 (TMĐK)* |
| Vậy trường thuê 3 xe loại 30 chỗ ngồi và 8 xe 45 chỗ ngồi. |

**2.3. Hoạt động 3 : Bài 3**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 3**

Y/c HS thực hiện bài 3

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3**

HS hoạt động cá nhân hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo thảo luận 3**

HS trình bày

HS khác nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định 3**

HS trình bày tương đối tốt chứng minh BĐT

|  |
| --- |
| a)  (tính chất BĐT) |
| b)  (tính chất BĐT) |
| Vậy |

**2.4. Hoạt động 4 : Bài 4**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 4**

Y/c HS thực hiện bài 4

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 4**

HS hoạt động cá nhân hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo thảo luận 4**

HS trình bày

HS khác nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định 4**

NX: Còn HS chưa đổi chiều BPT

|  |
| --- |
| a) |
| Vậy nghiệm của bpt là |
| b) |
|  |
|  |

**2.5. Hoạt động 5 : Bài 5**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 5**

Y/c HS thực hiện bài 5

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 5**

HS hoạt động cá nhân hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo thảo luận 5**

HS trình bày

HS khác nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định 5**

NX: HS làm tốt phần a, b nhưng nhiều HS chưa làm đc phần c

|  |
| --- |
|  |
| a) Tính được BC = 15 cm |
|  |
| b) AH = AB. Sin B = 9. = 7,2 cm |
| BH = AB. Cos B = 9 . = 5,4 cm |
| c) Có cos B = ; cos B = |
| Cos3 B =  Vậy BE = BC. cos3 B |

**2.6. Hoạt động 6 : Bài 6**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 6**

Y/c HS thực hiện bài 6

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 6**

HS hoạt động cá nhân hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo thảo luận 6**

HS trình bày

HS khác nhận xét

**Bước 4: Kết luận, nhận định 6**

NX: Một số HS còn sai công thức, làm tròn sai, không trả lời lại nội dung bài toán thực tế

|  |
| --- |
| Tam giác ABC vuông ABC vuông tại B có  AB=AC. cos A = 3. Cos 65o ≈1,3 (m) |
| Vậy cần đặt chân thang cách chân tường một khoảng 1,3 mét |